

Số: ~~36~~¹⁴ /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 25 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung Dự án đầu tư mở rộng, nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Bà Đầm, xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc của Công ty TNHH Thanh Nghệ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung Dự án đầu tư mở rộng và nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm VLXD thông thường tại núi Bà Đầm, xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Thanh Nghệ hợp ngày 27/7/2017 tại Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá và nội dung Báo cáo ĐTM; Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1043/TTr-STNMT ngày 21/9/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư mở rộng và nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm VLXD thông thường tại núi Bà Đầm, xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa được lập bởi Công ty TNHH Thanh Nghệ (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

1.1. Phạm vi:

Khu vực thực hiện dự án thuộc địa phận hành chính xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa với tổng diện tích 76.944 m², trong đó:

+ Diện tích khu vực khai thác mở rộng: 30.000 m²;

+ Diện tích khu vực đã được UBND tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 11/GP-UBND ngày 21/01/2014 là 46.944 m² (diện tích khu vực khai thác 1: 17.569 m²; diện tích khu vực khai thác 2: 1.509 m²; diện tích khu vực khai trường: 27.866 m²).

Ranh giới tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc tiếp giáp mỏ đá Công ty Hoàng Minh;
- Phía Đông Nam giáp với mỏ đá của Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Quân;
- Phía Tây giáp mỏ đá của Công ty TNHH MTV cơ khí chính xác 11;
- Phía Nam giáp phần núi Bà Đầm còn lại.

1.2. Quy mô, công suất:

Dự án khai thác với công suất 51.000 m³ đá nguyên khai/năm; trong đó, đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường: 47.430 m³ đá nguyên khai/năm; đá khối tận thu sản xuất đá ốp lát: 3.570 m³ đá nguyên khai/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1. Thực hiện đúng, đầy đủ, nghiêm túc các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

2.2. Khí thải và tiếng ồn của dự án phải được xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường:

- QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

- QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;

- Tiêu chuẩn vệ sinh lao động theo Quyết định số 3733/QĐ-BYT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

2.3. Nước thải phải được xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường:

- QCVN 14:2008/BTNMT, mức B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- QCVN 40:2011/BTNMT, mức B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp.

2.4. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp về xử lý chất thải rắn và các giải pháp BVMT khác.

3. Các điều kiện kèm theo đối với Chủ dự án:

3.1. Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành các hoạt động giám sát, kiểm tra việc

thực hiện các nội dung, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án, cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan khi được yêu cầu.

3.2. Trên cơ sở sơ đồ nguyên lý của các công trình xử lý môi trường đề ra trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt, phải tiến hành việc thiết kế chi tiết và xây lắp các công trình xử lý chất thải theo đúng quy định hiện hành về đầu tư và xây dựng.

3.3. Thực hiện nghiêm túc chương trình quản lý và quan trắc môi trường (các thông số, địa điểm, tần suất giám sát đã được đề cập trong báo cáo ĐTM), số liệu giám sát phải được cập nhật, lưu giữ tại cơ sở và gửi cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

3.4. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan nơi có dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý.

Điều 2. Phê duyệt nội dung Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung Dự án đầu tư mở rộng và nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm VLXD thông thường tại núi Bà Đầm, xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Thanh Nghệ với các nội dung cụ thể sau:

2.1. Phương án cải tạo phục hồi môi trường bao gồm:

- Khu vực moong khai thác mở rộng có diện tích 19.250 m²: Cày gỡ đá treo; san gạt mặt bằng.

- Khu vực moong khai thác (diện tích 5.121 m²), sân công nghiệp (diện tích 23.700 m²) và khu vực xung quanh thuộc phần diện tích 46.944 m² đã được UBND tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 11/GP-UBND ngày 21/01/2014 thực hiện theo phương án đã được phê duyệt tại Quyết định số 3900/QĐ-UBND ngày 05/11/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Phá dỡ các hạng mục công trình phụ trợ bổ sung phục vụ hoạt động khai thác mở rộng trên sân công nghiệp (diện tích 23.700 m²) đã được cấp phép.

2.2. Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ:

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường Khu vực moong khai thác, sân công nghiệp và khu vực xung quanh thuộc phần diện tích 46.944 m² theo Quyết định số 3900/QĐ-UBND ngày 05/11/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa: 389.025.296 đồng.

Năm 2016, Công ty đã nộp số tiền: 81.158.726 đồng.

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường khu vực mở rộng: 120.998.028 đồng.

Tổng kinh phí, cải tạo, phục hồi môi trường cho toàn bộ mỏ mà Công ty phải thực hiện ký quỹ:

(389.025.296 đồng - 81.158.726 đồng) + 120.998.028 đồng = 428.864.598 đồng.

- Số lần ký quỹ là 30 lần hoặc có thể lựa chọn việc ký quỹ 01 lần cho toàn bộ thời hạn khai thác khoáng sản là 30 năm.

+ Số tiền ký quỹ lần đầu là: **64.330.000** đồng. Thời gian thực hiện việc ký quỹ lần đầu tiên trước khi bắt đầu tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản 30 ngày;

+ Số tiền ký quỹ của các lần tiếp theo là: **12.570.000** đồng. Việc ký quỹ từ lần thứ hai trở đi phải thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của các năm tiếp theo.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2017. Yếu tố trượt giá được xác định bằng số tiền ký quỹ hàng năm nhân với chỉ số giá tiêu dùng của các năm trước đó tính từ thời điểm phương án, phương án bổ sung được phê duyệt. Chỉ số giá tiêu dùng hàng năm áp dụng theo công bố của Tổng cục Thống kê cho địa phương nơi khai thác khoáng sản hoặc cơ quan có thẩm quyền.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường Thanh Hoá.

Điều 3. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Lập, phê duyệt và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của Dự án trước khi triển khai thực hiện dự án theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường và các điều kiện nêu tại các Khoản 2, Khoản 3 Điều 1 Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

4. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với các Khoản 1 và 2 Điều 1 của Quyết định này, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận Chủ tịch UBND tỉnh.

5. Tuân thủ nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã phê duyệt theo các yêu cầu của Quyết định này và Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản.

Điều 4. Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 5. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 và Điều 3 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xác nhận thực hiện công tác ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường của tổ chức, cá nhân.

Điều 6. Ủy nhiệm cho Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo ĐTM và các nội

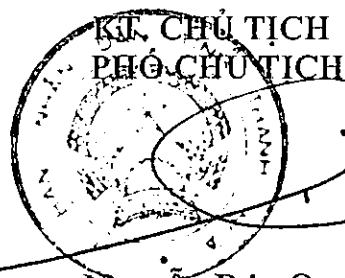
dung cải tạo, phục hồi môi trường trong Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt; công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường và yêu cầu tại Quyết định này.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Ngọc Lặc, Giám đốc Công ty TNHH Thanh Nghệ và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TNMT (10 bản);
- Lưu: VT, Pg NN.



Nguyễn Đức Quyền